

# SỰ ĐỔI MỚI NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG<sup>(\*)</sup>

DƯƠNG PHÚ HIỆP <sup>(\*\*)</sup>

*Trong bài viết này, tác giả đã tập trung phân tích sự đổi mới nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về kinh tế thị trường được thể hiện qua các văn kiện đại hội và các hội nghị Trung ương. Từ những nhận thức mới về vấn đề này, tác giả đã chỉ ra những thành tựu mà quá trình đổi mới mang lại, cũng như những hạn chế, bất cập trong lý luận và thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời gian qua. Từ đó, tác giả đề xuất một số vấn đề thuộc về quan điểm định hướng và giải pháp lớn nhằm tiếp tục thúc đẩy công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế đất nước.*

Việt Nam tiến hành đổi mới vào nửa cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào khủng hoảng, một loạt nước xã hội chủ nghĩa đứng trước nguy cơ sụp đổ. Đó là lúc vấn đề con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội lại được đặt ra một cách gay gắt và thử thách cao độ bản lĩnh và trí tuệ của các Đảng Cộng sản, nhất là những đảng cầm quyền. Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ đổi mới cơ chế kinh tế, hay rộng hơn, đổi mới thể chế kinh tế, ở một nước mà nền kinh tế đang bị khủng hoảng, không đơn thuần chỉ là việc tìm giải pháp “chữa cháy”, vực nền kinh tế lên mà còn là tìm ra một phương thức hợp lý và hiệu quả để giải quyết các vấn đề phát triển, đưa nền kinh tế còn lạc hậu và chưa thoát khỏi đói nghèo của Việt Nam thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại.

Nghiên cứu quá trình đổi mới thực tiễn nền kinh tế với tư cách là sự thể nghiệm, kiểm chứng tư duy đổi mới và cung cấp “đầu vào” cho quá trình tiếp

tục đổi mới tư duy. Đây là cơ sở để nhận diện chính xác và đánh giá một cách khách quan những kết quả mà quá trình đổi mới mang lại cùng những hạn chế, bất cập trong lý luận và thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn vừa qua; nhờ vậy, góp phần làm rõ lôgic tiến triển của nhận thức về mô hình phát triển kinh tế của Việt Nam trong thời đại hiện nay; từ đó, rút ra những gợi ý, đề xuất và kiến nghị các vấn đề thuộc về quan điểm định hướng và giải pháp lớn nhằm tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế đất nước.

(\*) Bài viết là kết quả nghiên cứu thuộc đề tài: “Thực hành dân chủ trong điều kiện một Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, mã số: KX.04.03/11-15, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KX.04/11-15.

(\*\*) Giáo sư, tiến sĩ, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, nguyên Tổng Thư ký Hội đồng lý luận Trung ương.

**1. Quá trình đổi mới tư duy kinh tế của Đảng từ Đại hội VI đến nay**

*Đại hội VI của Đảng* (năm 1986) đã chỉ ra thực trạng của tình hình kinh tế lúc đó là tình trạng trì trệ và bất ổn nghiêm trọng, từ đó Đại hội đưa ra hai nhận định cơ bản: *Một là*, tính kém hiệu quả và ít triển vọng của mô hình kinh tế cũ. Đây là mô hình dựa trên cơ sở độc tôn của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất với hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể; cơ chế kế hoạch hoá tập trung với các đặc trưng nổi bật là tập trung quan liêu, bao cấp, khép kín, các quan hệ kinh tế bị "nhà nước hoá" và "phi thị trường". *Hai là*, những giải pháp cải cách kinh tế diễn ra liên tục từ cuối thập niên 70 đến giữa thập niên 80 của thế kỷ XX dưới áp lực của tình thế khách quan, tuy vạch ra hướng tất yếu phải thoát khỏi cơ chế kinh tế cũ và áp dụng các quan hệ hàng hoá - tiền tệ, song không mang lại kết quả mong muốn, thậm chí, còn đẩy nền kinh tế lâm vào khủng hoảng.

Đại hội đã nghiêm túc chỉ ra những nguyên nhân của thực trạng nói trên, đặc biệt là nguyên nhân chủ quan, phê phán (thực chất là *tự phê phán*) nghiêm khắc những sai lầm, thiếu sót cả ở cấp độ quan điểm chiến lược lẫn giải pháp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, và chỉ rõ: "Cho tới nay, cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp về căn bản chưa bị xoá bỏ. Cơ chế mới chưa được thiết lập đồng bộ. Nhiều chính sách, thể chế đã lỗi thời chưa được thay đổi... Những sai lầm nói trên là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, *sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện*. Khuynh hướng tư tưởng chủ

yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là *bệnh chủ quan, duy ý chí*, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan"(1).

Từ sự phê phán - tự phê phán triệt để đó, Đảng đã nhận ra cốt lõi vấn đề phát triển của Việt Nam là ở cơ chế, phương thức vận hành nền kinh tế. Đây là điểm khởi đầu đúng đắn của quá trình đổi mới toàn diện nhận thức về chủ nghĩa xã hội.

Tuy vẫn coi "tính kế hoạch" là "đặc trưng thứ nhất" của nền kinh tế quá độ, song Đại hội VI đã thừa nhận các quan hệ hàng hoá - tiền tệ là "đặc trưng thứ hai". Lần đầu tiên trong văn kiện của Đảng Cộng sản, các phạm trù vốn bị coi là không tương thích, đối lập với chủ nghĩa xã hội như "nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần", "thị trường", "các quan hệ hàng hoá - tiền tệ", v.v. được chính thức thừa nhận là những phạm trù "tất yếu khách quan", là "đặc trưng thứ hai" của cơ chế mới về quản lý kinh tế.

Đây là sự trở lại một cách sáng tạo tư tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội thông qua Chính sách kinh tế mới (NEP) của V.I.Lênin(2) tạo nên một bước tiến cách mạng trong tư duy phát triển của Đảng, cho thấy quan niệm về

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.22-23, 26.

(2) Trong các tác phẩm kinh tế cuối đời của V.I.Lênin, mặc dù rất đề cao vai trò của quan hệ hàng hoá - tiền tệ, nhưng chưa bao giờ ông coi đó là "tính thứ hai" hay "đặc trưng thứ hai" của nền kinh tế Xôviết. Nói như vậy để thấy giá trị đột phá lý luận trong quan điểm của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội khi coi các quan hệ hàng hoá - tiền tệ là "đặc trưng thứ hai" của nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đã có những thay đổi căn bản. Trong quan niệm đó, tuy cấu trúc cơ bản của nền kinh tế quá độ chưa thay đổi hoàn toàn, song đã chứa đựng định hướng đổi mới triệt để về nguyên tắc và nguyên lý tư duy lý luận, khởi đầu cho quá trình đoạn tuyệt hoàn toàn với tư duy kinh tế dựa trên quan niệm giản đơn về chủ nghĩa xã hội, mang nặng tính chất chủ quan, duy ý chí.

Đại hội VI cũng nhận thức lại vấn đề xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; tiếp tục khẳng định nhiệm vụ của “chặng đường tiếp theo” là “tạo tiền đề để đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa” mà Đại hội V đã xác định. Nhưng Đại hội VI đã chỉ ra những sai lầm, thiếu sót nghiêm trọng trong việc thực hiện chiến lược cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư; nêu yêu cầu “dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý”, “điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư” theo “tư tưởng chỉ đạo... là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế...”(3).

Tại Đại hội, tư tưởng “mở cửa” lần đầu tiên được khẳng định. Đại hội đã thông qua chương trình “hàng xuất khẩu” (trong số ba chương trình lớn: Lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu); đề xuất chủ trương xây dựng Luật Đầu tư nước ngoài. Theo tinh thần đó, năm 1987, Chính phủ đã đệ trình và được Quốc hội xem xét thông qua Luật Đầu tư nước ngoài. Cách đặt vấn đề này mở ra cách tiếp cận thực tế hơn đường lối công nghiệp hóa: Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển mạnh

nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Đây cũng là một đột phá quan trọng trong tư duy kinh tế đổi mới.

Đại hội VI có ý nghĩa đột phá sâu sắc, góp phần quyết định trong việc thay đổi quan niệm cũ về chủ nghĩa xã hội, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tuy chưa dựa trên các khái niệm và phạm trù “chuẩn”, đầy đủ về nội hàm và chặt chẽ về lôgic, song các luận đề kinh tế của Đại hội đã tạo cơ sở để dựng lên khung khổ cấu trúc của nền kinh tế quá độ theo một cách tiếp cận mới, mở đường cho quá trình đổi mới kinh tế trong thực tiễn.

Trong những năm tiếp theo, cùng với các bước tiến mạnh mẽ và ngày càng triệt để của thực tiễn đổi mới kinh tế, tư duy đổi mới do Đại hội VI khởi xướng tiếp tục được phát triển và hoàn thiện hơn.

Đại hội VII của Đảng (năm 1991) ghi một dấu mốc lớn trong xu hướng phát triển lý luận này. Tại Đại hội, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua và khẳng định: Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Công thức phát triển mới này có giá trị xuyên suốt(4), đồng thời

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.47.

(4) “Có giá trị xuyên suốt” là vì công thức phát triển đó được ghi vào *Cương lĩnh* hành động của Đảng - “ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới” (*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, tr.22).

đưa ra ba nguyên lý: *Một là*, đoạn tuyệt hẳn với cơ chế kinh tế cũ; *hai là*, khẳng định nội dung và cơ chế mới của nền kinh tế (hàng hoá, thị trường và sự quản lý của nhà nước); *ba là*, nêu rõ định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển.

Khác với Đại hội VI, việc xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần tại Đại hội VII không dừng lại ở cấp độ là một kết quả tìm tòi của tư duy đang được thử nghiệm, mà đã được đúc kết thành công thức phát triển của nền kinh tế trong một thời kỳ lịch sử lâu dài. Công thức phát triển đó mang tính tổng quát, có giá trị của một lý thuyết phát triển cho Việt Nam sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội kế hoạch hoá tập trung quan liêu sụp đổ. Đây là điều có ý nghĩa lịch sử trọng đại, trong bối cảnh trên thế giới đang có nhiều hoài nghi về số phận của chủ nghĩa xã hội, về giá trị của học thuyết Mác - Lênin.

Sự phát triển quan niệm lý luận về nền kinh tế đổi mới của Đại hội VII so với Đại hội VI còn thể hiện ở một số điểm quan trọng là xác định lại cấu trúc thành phần của nền kinh tế<sup>(5)</sup>; đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để với bước đi và cách làm thích hợp, thể hiện ở các luận điểm: Đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới chính trị, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa; phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi đôi với việc tăng cường vai trò quản lý của nhà nước về kinh tế - xã hội; thị trường trực tiếp hướng dẫn các doanh nghiệp trong kinh doanh; giá cả, tỷ giá hối đoái, lãi suất tín dụng hình thành theo cơ chế thị trường, v.v..

Đây thực sự là những bước tiến trong

tư duy lý luận về mô hình kinh tế quá độ của Việt Nam, hướng tới tính triệt để trong sự đoạn tuyệt với cơ chế kinh tế cũ và quan niệm cũ về chủ nghĩa xã hội; đồng thời xây dựng khung khổ lý thuyết kinh tế hàng hóa nhiều thành phần của nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) đã nêu luận điểm “công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại” và coi đây là một trong những “phương hướng cơ bản” của “quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”. Việc chuyển từ quan niệm “công nghiệp hóa” của các đại hội trước sang quan niệm “công nghiệp hóa theo hướng hiện đại” của Đại hội VII là một sự phát triển quan trọng trong tư duy lý luận về công nghiệp hóa khi gắn khái niệm “hiện đại” với khái niệm “công nghiệp hóa”.

Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (tháng 1 - 1994), tư tưởng về công nghiệp hóa của Việt Nam - đã được thay bằng khái niệm “công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Vì vậy, khi nhận định về quá trình đổi mới những năm trước đó, Hội nghị chỉ rõ: “Mặc dù còn nhiều mặt yếu kém phải khắc phục, những thành tựu quan trọng đạt được đã và đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp

(5) Đại hội VII coi kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là hai thành phần riêng biệt chứ không gộp lại thành một thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa; cũng không coi kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc là một thành phần kinh tế như Đại hội VI.

hoá, hiện đại hoá đất nước”(6).

Nhận định này bao hàm hai luận điểm quan trọng về công nghiệp hoá: *Một là*, chính thức thay thế quan niệm công nghiệp hoá bằng quan niệm công nghiệp hoá, hiện đại hoá; *hai là*, xác định nước ta đang trong giai đoạn tạo ra những tiền đề để "chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá". Luận điểm thứ nhất gắn với thực chất, nội hàm của quá trình công nghiệp hoá; luận điểm thứ hai phản ánh tư duy về bước đi của công nghiệp hoá. Với hai luận điểm này, có thể nói, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII, Đảng ta đã tiến đến một quan niệm mới, rất hiện đại về công nghiệp hoá, phù hợp với các điều kiện hiện đại của thế giới và đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

Cũng cần lưu ý rằng, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII, lần đầu tiên Đảng đã chỉ ra một cách hệ thống 4 nguy cơ lớn đang đe dọa sự phát triển của đất nước, sự tồn tại của Đảng và của chế độ chính trị - xã hội, trong đó, nguy cơ lớn nhất là "tụt hậu xa hơn về kinh tế". Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa ra công thức phát triển kinh tế tổng quát và một quan niệm mới về công nghiệp hoá, nó cho thấy lập trường phát triển của Đảng dựa vững chắc vào sự phát triển ngày càng có hệ thống của tư duy về nền kinh tế đổi mới.

*Đại hội VIII* của Đảng (năm 1996), qua thực tiễn 10 năm đổi mới, lý luận về nền kinh tế đổi mới đã được chỉ ra đầy đủ và rõ ràng hơn, cho thấy tư duy

lý luận kinh tế đã tiến thêm một bước. Trong lý luận này, đường lối đổi mới với nội dung đoạn tuyệt với cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, chuyển sang cơ chế thị trường, *xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước* được khẳng định hoàn toàn và dứt khoát. Sự khẳng định đó cho thấy: *Một là*, xu thế của đổi mới kinh tế là không thể đảo ngược; *hai là*, đổi mới nhưng vẫn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, "con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn"(7). Đồng thời, nó như lời tuyên bố chấm dứt sự hoài nghi, do dự, băn khoăn đối với con đường đổi mới.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn 10 năm đổi mới, Đại hội tiếp tục ghi thêm những dấu mốc phát triển tư duy kinh tế mới. Đó là:

- Khẳng định tính đồng bộ và toàn diện của quá trình đổi mới. Các luận điểm mang tầm chiến lược như: 1) Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị; 2) Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái; 3) Đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường, v.v. là những nhận thức hoàn chỉnh hơn bổ

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*. Nxb Chính trị Quốc gia, 1994, tr.22.

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.12, 14.

sung vào khung nhận thức đã có về nền kinh tế đổi mới.

- Trong quan điểm về nền kinh tế nhiều thành phần đã tiến thêm một bước khi thừa nhận “nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất - kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Thừa nhận sự tồn tại lâu dài của các hình thức thuê mướn lao động nhưng không để biến thành quan hệ thống trị, dẫn tới sự phân hóa xã hội thành hai cực đối lập”(8). “Triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước”(9), “tổ chức hợp lý các tổng công ty bảo đảm... chống độc quyền hoặc trở thành cấp hành chính trung gian”(10), “kinh tế cá thể, tiểu chủ có vị trí quan trọng lâu dài”(11), “khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài; bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp...”(12).

- Phát triển quan niệm công nghiệp hoá, hiện đại hoá khi xác định rõ “mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao,... dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”(13).

Về bước đi của công nghiệp hóa, căn cứ vào những kết quả thực tiễn đạt được, Đại hội VIII xác định rằng, qua 10 năm đổi mới, nhiệm vụ chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn

thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đây là sự nhận diện và đánh giá thực tiễn chính xác, giúp cho việc chỉ đạo thực tiễn thoát khỏi những vướng mắc và hoài nghi mang tính kinh nghiệm.

Đại hội IX của Đảng (năm 2001) tiếp tục chỉ ra những nhận thức lý luận mới về nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã thay thế luận điểm “nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa” bằng luận điểm “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Về nội hàm khái niệm, Đại hội IX khẳng định, “nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần” cũng “chính là nền kinh tế thị trường”. Sự “chính là” này hàm ý rằng, nội dung thực tiễn của hai khái niệm là thống nhất, là một, thể hiện tính nhất quán trong đường lối đổi mới của Đảng. Tính nhất quán đó xác nhận bản chất lý luận của các luận điểm mà tư duy đổi mới đề xuất và phát triển trong suốt 15 năm đổi mới (tính đến Đại hội IX) và 30 năm đổi mới (cho đến hiện nay).

Tuy nhiên, việc nêu luận đề “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” thay cho luận đề “nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr.92.

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr.94.

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr.94.

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr.95.

(12) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr.96.

(13) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr.80.

chủ nghĩa" không phải đơn thuần chỉ là sự thay đổi khái niệm, không phải là thao tác đơn giản hóa khái niệm cho tiện sử dụng. Sự thay thế đó hàm nghĩa sự phát triển bản chất của chính đối tượng - nền kinh tế đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời thể hiện sự tiến lên của quá trình nhận thức đối tượng. Về mặt thực tiễn, sự thay đổi khái niệm nêu trên phản ánh bước tiến mang tính bản chất của nền kinh tế - tiến từ "nền kinh tế hàng hóa" đến "nền kinh tế thị trường", từ trình độ "hàng hóa" chuyển lên trình độ "thị trường". "Thị trường" không đơn thuần là "hàng hóa"; mà "chính là" hàng hóa nhưng đã và đang vượt qua trình độ "hàng hóa" để đạt tới một trình độ bản chất mới. Trong lịch sử, đây là một bước chuyển chất lượng quan trọng. Đối với Việt Nam, sự tiến triển đó đồng nghĩa với việc định hình bản chất của nền kinh tế quá độ mới.

Bước chuyển tương ứng của tư duy cũng có ý nghĩa quan trọng như bước chuyển của thực tiễn. Có thể nói, việc chuyển sang sử dụng khái niệm "nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" cho thấy quá trình hiện đại hóa tư duy lý luận của Đảng. Trong xu hướng chung, loài người đã từ trình độ sản xuất hàng hóa, vượt qua nó và đạt tới trình độ kinh tế thị trường phổ biến và phổ quát. Vì vậy, chọn "kinh tế thị trường" là chọn đúng cái phổ biến và phổ quát mà loài người đạt tới; là thừa nhận quỹ đạo phát triển chung của thế giới hiện đại, là chấp nhận gia nhập quỹ đạo phát triển đó. Nhưng đối với Việt Nam, về mặt lý luận, việc thay đổi khái niệm đó còn phản ánh sự tiến

triển của nhận thức, của quá trình "xây dựng một quan niệm mới" về nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Điểm lại thực tiễn, kể từ sau Đại hội IX của Đảng, dường như xuất hiện một xung lực lý luận mạnh mẽ thúc đẩy quá trình đổi mới kinh tế, cả từ góc độ cải cách thể chế kinh tế trong nước lẫn từ góc độ mở cửa - hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực. Nguyên nhân lý luận của động thái mới và tích cực đó chính là việc nêu ra và khẳng định luận đề lý luận quan trọng tại Đại hội IX: "*Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*" (14).

Song, sự đóng góp vào quá trình phát triển tư duy lý luận của Đại hội IX không dừng lại ở đó. Với sứ mệnh của một đại hội chuyển giao thế kỷ ở nước ta, Đại hội IX đã nêu ra yêu cầu xây dựng một lý luận phát triển mới của Việt Nam, khi đặt vấn đề "con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta". Về kinh tế, luận điểm quan trọng nhất của lý luận đó là coi phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là "mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội". Luận điểm "mô hình kinh tế tổng quát" của Đảng không chỉ là một sự khái quát lý luận, có ý nghĩa khẳng định, gợi mở và đặt ra yêu cầu lý luận cho sự nghiên cứu, thử nghiệm tiếp theo; mà còn là sự cụ thể hóa trong nhận thức của Đảng về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thế giới đã, đang và sẽ chuyển sang

(14) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.86, 88.

kinh tế thị trường ở những trình độ khác nhau. Sự chuyển biến đó vừa có những nét chung, vừa có những đặc điểm riêng của mỗi nước. Có nhiều nước chuyển từ nền nông nghiệp tự cung tự cấp sang nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng có những nước chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu qua nền kinh tế hiện vật theo mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa hoặc định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trước đây, ở các nước xã hội chủ nghĩa người ta quan niệm rằng, khi giai cấp công nhân giành được chính quyền, bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội thì không cần đến quan hệ hàng hoá - tiền tệ, phủ nhận kinh tế thị trường và cho rằng thị trường chỉ gắn bó với chủ nghĩa tư bản, thậm chí đem đồng nhất chủ nghĩa tư bản với kinh tế thị trường và do đó, coi chủ nghĩa xã hội xa lạ với thị trường. Những ai muốn kết hợp kế hoạch với thị trường đều bị lên án là đi theo tư tưởng ngoại lai. Thật ra, ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây cũng có nói đến thị trường, nhưng thị trường trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp là một thứ thị trường méo mó bởi sự phân biệt duy ý chí giữa cái gọi là "thị trường có tổ chức" và "thị trường tự do". Trong thị trường méo mó đó, các yếu tố cấu thành thị trường như: Quan hệ tiền - hàng, quan hệ mua - bán, quan hệ cung cầu, quan hệ hàng hoá, môi trường hoạt động, động lực vận động và các quy luật vận hành của nó đều bị cơ chế cũ: "Giao nộp, cấp phát, mua theo lệnh" làm sai lệch, không còn là những nhân tố khách quan nữa. Nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung cao độ,

bao cấp trong sản xuất, bình quân trong phân phối, kỳ thị với kinh tế thị trường đã làm suy giảm, thậm chí triệt tiêu nhiều động lực trong phát triển kinh tế - xã hội. Nền kinh tế đó đã trở thành nền kinh tế thiếu hụt, lãng phí sức người, sức của, chậm đổi mới về kỹ thuật và công nghệ. Năng suất và hiệu quả đều kém, không đáp ứng được những yêu cầu ngày càng tăng của nhân dân, không đủ sức cạnh tranh với nền kinh tế thị trường của các nước trên thế giới.

Trước đổi mới, nền kinh tế nước ta mang nặng tính tự túc, tự cấp, các yếu tố hàng hoá chưa phát triển, các yếu tố thị trường mới sơ khai, thiếu đồng bộ, tăng trưởng rất chậm. Hơn nữa, trong nhiều năm chúng ta đã xây dựng nền kinh tế rập khuôn theo mô hình chủ nghĩa xã hội của Liên Xô cũ, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa để thiết lập ngay chế độ công hữu với tư liệu sản xuất, tổ chức bộ máy nhà nước đồ sộ và ngày càng phình to để điều hành nền kinh tế. Đó cũng là mô hình kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp, coi nhẹ cơ chế thị trường, thực hiện "ngăn sông cấm chợ" nhà nước trực tiếp điều khiển các hoạt động kinh tế quan trọng thông qua các kế hoạch sản xuất và phân phối, thông qua hệ thống giá cả, tỷ giá do nhà nước quy định. Nhà nước trực tiếp làm kinh tế và quản lý kinh tế chủ yếu bằng công cụ hành chính mệnh lệnh. Trong nền kinh tế chỉ huy ấy, toàn bộ nền kinh tế quốc dân được xem như một cỗ máy khổng lồ mà nhà nước là người trực tiếp điều khiển, còn các chủ thể kinh tế khác chỉ là người thừa hành mệnh lệnh của nhà nước. Trong



nền kinh tế đó, mặc dù các công cụ đòn bẩy như thuế, lãi suất, giá, tỉ giá, tiền lương đều được sử dụng, nhưng chúng không phát huy được vai trò đòn bẩy của mình.

Chính vì thế, mặc dù trong suốt một thời kỳ dài nước ta không hề chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng do mô hình kinh tế nói trên không tạo ra động lực cho sự phát triển, không phát huy được tính sáng tạo và năng động của con người, mà chỉ làm cho họ thụ động, chờ đợi hưởng thụ, không làm việc hết sức mình, nên nước ta đã lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Đảng ta đã nhận thức và dần khắc phục được những sai lầm trong việc xây dựng mô hình nói trên và chủ trương chuyển sang xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, phải trải qua hơn 30 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, cho đến năm 1986, đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh trong bài *Mấy vấn đề thuộc quan điểm kinh tế của Đảng* mới đi đến kết luận rằng, "từ một nước nghèo nàn lạc hậu, tiểu sản xuất là phổ biến, có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, song nhất thiết không thể bỏ qua phát triển sản xuất hàng hóa(15). Kết luận này có tính chất đột phá, tạo ra bước ngoặt trong việc chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mặc dù Đại hội VI của Đảng ta chưa dùng khái niệm về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng những tư tưởng mà Đại hội VI nêu lên đã được các đại hội sau dùng làm cơ sở để đưa ra đường lối xây

dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Những tư tưởng quan trọng đó là: 1/ Xây dựng kinh tế có nhiều thành phần; 2/ Xây dựng kinh tế hàng hoá; 3/ Thay cơ chế quản lý kinh tế cũ bằng cơ chế mới, trong đó có sử dụng quan hệ hàng hoá - tiền tệ, sử dụng các đòn bẩy kinh tế; 4/ Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại không phải chỉ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em mà còn với các nước khác; 5/ Thống nhất chính sách kinh tế và chính sách xã hội, phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động.

Những tư tưởng nói trên đã được Đại hội VII bổ sung và phát triển. Một trong 7 phương hướng cơ bản mà *Cương lĩnh* nêu lên là: "Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước". Điều này được coi là đường lối kinh tế của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới. Nếu như Đại hội VI đã nói đến xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, thì Đại hội VII đã bổ sung hai luận điểm quan trọng: 1/ Theo định hướng xã hội chủ nghĩa; 2/ Vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Đại hội VII không những đưa ra khái niệm định hướng xã hội chủ nghĩa, mà còn cung cấp cơ sở để xác định thế nào là định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam. Cương lĩnh đã nêu 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa

(15) Trường Chinh. *Đổi mới - đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.30.

và 7 phương hướng cơ bản cần nắm vững trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Khi nói về định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam thì nhất định chúng ta phải dựa vào 6 đặc trưng và 7 phương hướng đó.

Đặc biệt, Đại hội VIII của Đảng đã nêu lên 6 nội dung quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Căn cứ vào những nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa cho thấy, nền kinh tế ở Việt Nam mà chúng ta đang xây dựng không còn là nền kinh tế tự túc, tự cấp, không còn là kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp nữa, cũng không phải là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và chưa phải là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, mà chính là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khi vận dụng 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đại hội VII đã nêu lên vào việc định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta, cần chú ý rằng 6 đặc trưng đó là những mục tiêu rất dài, mà ngay bây giờ chưa thể có một nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất, chưa thể thực hiện ngay con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, v.v.. Việc vận dụng 6 đặc trưng này phải thích hợp với mục tiêu cụ thể hiện nay, đặc biệt là phải lấy mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" làm nội dung chủ yếu của định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường.

Khái niệm định hướng xã hội chủ

nghĩa có tính lịch sử - cụ thể và gắn liền với khái niệm thời kỳ quá độ, mà trong thời kỳ quá độ thì chưa phải mọi cái đều đã là xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn hiện nay, nếu nói định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường mà lại quá chú trọng đến việc làm cho chế độ công hữu chiếm ưu thế tuyệt đối, không thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, không tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài thì định hướng đó sẽ cản trở sự phát triển.

Để xã hội ta trở thành xã hội xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải trải qua một thời kỳ lâu dài, trong đó, không thể đòi hỏi tính đồng bộ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, có thể những yếu tố nào đó của kiến trúc thượng tầng đã là xã hội chủ nghĩa, trong khi đó cơ sở hạ tầng vẫn chưa là xã hội chủ nghĩa, thậm chí còn phải phát triển mạnh kinh tế tư nhân vì chỉ có như thế mới có kinh tế thị trường. Làm như vậy có gây ra nguy cơ cho định hướng xã hội chủ nghĩa không? Phải khẳng định rằng phát triển mạnh kinh tế tư nhân trong giai đoạn hiện nay khi có sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước thì không có gì đáng ngại về nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa, vì để tư nhân phát triển thì họ làm giàu cho đất nước, giải quyết được việc làm cho nhiều người, có thêm nhiều của cải cho xã hội, phát triển lực lượng sản xuất và bằng cách đó chúng ta tạo ra những tiền đề của chủ nghĩa xã hội.

Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt

Nam không chỉ là định hướng trong lĩnh vực kinh tế, vì mục tiêu kinh tế, mà còn phải định hướng trong các lĩnh vực khác. Những định hướng này phải gắn với nhau và phục vụ cho nhau, trong đó định hướng xã hội chủ nghĩa của kinh tế thị trường phải phục vụ cho các mục đích chính trị, xã hội, văn hoá, con người. Ngay từ Đại hội VI, Đảng ta đã nhấn mạnh phải thống nhất chính sách kinh tế và chính sách xã hội, phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động. Đó chính là một nội dung quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường.

Chỉ có xây dựng kinh tế thị trường mới có khả năng tăng trưởng kinh tế, nhưng tăng trưởng kinh tế phải đi liền với phát triển văn hoá, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn tôn tạo môi trường, không tàn phá và không gây ô nhiễm môi trường. Đó mới là định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. Chỉ có xây dựng kinh tế thị trường mới có khả năng tăng trưởng kinh tế; bởi vì, do tác động của các quy luật giá trị, cung - cầu, cạnh tranh, tính năng động của con người được phát huy, trí thông minh, óc sáng tạo và kỹ năng nghề nghiệp được khuyến khích. Nhưng bên cạnh mặt tích cực, mặt trái của cơ chế thị trường cũng dễ làm nảy sinh tâm lý sùng bái hàng hoá, sùng bái tiền tệ, dùng những thủ đoạn gian dối, lừa đảo để đạt lợi nhuận cao nhất, chạy theo các giá trị vật chất đơn thuần mà xem thường các giá trị nhân văn. Chính vì thế, định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường hiện

nay có nghĩa là bên cạnh việc quản lý với điều tiết vĩ mô bằng pháp luật và các chính sách khác của nhà nước, văn hoá phải đóng vai trò điều tiết tinh thần cho việc phát triển kinh tế thị trường, làm cho nó trở thành một nền kinh tế thị trường văn minh và hiện đại.

Hiện nay, ở nước ta chưa có chủ nghĩa xã hội và cũng chưa có kinh tế thị trường. Cả hai cái đó còn đang trong quá trình hình thành. Khi nói kết hợp chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường thì không phải là kết hợp hai cái có sẵn mà kết hợp chúng trong quá trình đang hình thành. Nếu chỉ quá nhấn mạnh định hướng xã hội chủ nghĩa mà không xây dựng kinh tế thị trường thì không thể có chủ nghĩa xã hội và nếu có thì đấy chỉ là một thứ xã hội chia đều sự nghèo khổ. Ngược lại, nếu xây dựng kinh tế thị trường mà không có định hướng xã hội chủ nghĩa thì cũng không có chủ nghĩa xã hội, mà sẽ tạo ra một xã hội phân hoá giàu nghèo quá mức, một xã hội đầy bất công, áp bức và bóc lột lẫn nhau. Vì thế, Đảng ta chủ trương định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Trong khi trên thế giới, kinh tế thị trường đã hình thành và phát triển từ lâu và hiện nay đang có nhiều mô hình kinh tế thị trường khác nhau, còn chúng ta chỉ mới bắt đầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một mô hình không có sẵn, mà phải sáng tạo một mô hình hoàn toàn mới. Để xây dựng lý luận về mô hình đó, trước hết đòi hỏi phải có quan điểm lịch sử - cụ thể của định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam. □